

Bản án số: 333/2024/HNGĐ-
ST

Ngày: 23-12-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

2. Bà Trương Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 246/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã V, huyện C. Sau khi kết hôn chị L, anh T chung sống tại thôn T, xã K, huyện C. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 giữa chị L, anh T xảy ra mâu thuẫn do

anh T thường xuyên đi tụ tập, uống rượu, không quan tâm đến gia đình. Chị L và anh T chung sống không hòa thuận, không có hạnh phúc, đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12/11/2004 và cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 20/12/2010. Khi ly hôn chị L không đề nghị tòa án giải quyết quyền nuôi cháu N do cháu N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị L được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2004 tại U, huyện C. Sau khi kết hôn anh T, chị L chung sống tại thôn T, xã K, huyện C. Anh T và chị L chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T, chị L sống xa nhau, không cùng nhau xây đắp tình cảm gia đình được, khác nhau về cách sống dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh T và chị L sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh T, chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12/11/2004 và cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 20/12/2010. Khi ly hôn anh T không đề nghị tòa án giải quyết quyền nuôi cháu N do cháu N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến trình bày của con chung trên 07 tuổi: Tại bản tự khai, biên bản ghi ý kiến của con chung cháu Nguyễn Thị Thanh H trình bày nguyện vọng muốn được bố là Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng khi chị L và anh T ly hôn.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Hoàng Thị L: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 20/12/2010 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn cùng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 21/6/2004 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại thôn N, xã K, huyện C cho thấy: Anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị Hoàng Thị L và cùng chung sống tại thôn N, xã K, huyện C, đến năm 2010 anh T, chị L cùng nhau đi làm ăn xa, đến năm 2012 anh T một mình trở về địa phương. Nguyên nhân cụ thể thì đại diện thôn không nắm được. Sau

khi anh T trở về địa phương, chị L chỉ về thăm nhà vào dịp lễ tết được khoảng 2 hoặc 3 năm là không thấy chị L về nhà nữa.

Tại bản tự khai của chị Hoàng Thị L và biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn T đều xác định tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị L, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L, xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12/11/2004 và cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 20/12/2010.

Do cháu N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường, chị L, anh T không đề nghị giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị L, anh T cùng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh H, không yêu cầu cấp dưỡng. Tại bản trình bày ý kiến cháu Nguyễn Thị Thanh H có nguyện vọng được anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh T, đang học tại trường Trung học cơ sở K, huyện C, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Thị Thanh H cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Hoàng Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 25 của UBND xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, ngày 21/6/2004).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 20/12/2010 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Hoàng Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001932846 ngày 02/10/2024 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần T1 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000631, ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được trừ vào tiền án phí. Chị Hoàng Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Vinh Quang (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hằng Trương Ngọc P

Đào Thị Bích N1

